

**CÔNG TY TNHH EVSIP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH EVSIP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EVSIP VIETNAM CO., LTD

Tên công ty viết tắt: EVSIP VN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702809460

**3. Ngày thành lập:** 16/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô CT03B, Đường D1 Khu dân cư Việt - Sing, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0866246333

Fax:

Email: [Evsipvietnam@gmail.com](mailto:Evsipvietnam@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô, cho thuê xe có động cơ khác                                                                                                                                         | 7710        |
| 2.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                      | 8129        |
| 3.  | In ấn<br>(trừ in ấn trên các sản phẩm bao bì, dệt may, thêu, đan)                                                                                                                                                      | 1811        |
| 4.  | Thoát nước và xử lý nước thải<br>3700                                                                                                                                                                                  | 3700        |
| 5.  | Thu gom rác thải không độc hại<br>(không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại trụ sở chính)                                                                                                                    | 3811        |
| 6.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(Chỉ được xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                    | 3821        |
| 7.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>(Chỉ được hoạt động sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                          | 3900        |
| 8.  | Xây dựng nhà để ở<br>chi tiết:<br>- Xây dựng tất cả các loại nhà để ở như:<br>+ Nhà cho một hộ gia đình,<br>+ Nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng.<br>- Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại | 4101(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | <p>Xây dựng nhà không để ở</p> <p>- Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như:</p> <p>+ Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, ví dụ: nhà máy, xưởng lắp ráp...</p> <p>+ Bệnh viện, trường học, nhà làm việc,</p> <p>+ Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại,</p> <p>+ Nhà ga hàng không,</p> <p>+ Khu thể thao trong nhà,</p> <p>+ Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm,</p> <p>+ Kho chứa hàng,</p> <p>+ Nhà phục vụ mục đích tôn giáo, tín ngưỡng.</p> <p>- Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng;</p> | 4102 |
| 10. | <p>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí</p> <p>(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy sản)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322 |
| 11. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4329 |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641 |
| 13. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn đồ dùng gia đình bằng thủy tinh - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng thể thao) - Bán buôn va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</p>                                                                                                                                                                                         | 4649 |
| 14. | <p>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông</p> <p>Chi tiết: Bán buôn thiết bị camera quan sát, phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, hệ thống quản lý khóa cửa, hệ thống máy bấm thẻ, hệ thống nhận đầu vân tay</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 15. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4659 |
| 16. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Bán buôn hóa chất (không tồn trữ hóa chất)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669 |
| 17. | <p>Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4931 |
| 18. | <p>Vận tải hành khách đường bộ khác</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4932 |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy                                                                                                                                                                                                                                     | 5229 |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610 |
| 22. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng<br>(phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                       | 5621 |
| 23. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5629 |
| 24. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630 |
| 25. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7020 |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế và thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình dân<br>dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô<br>thị. Thiết kế, thi công các công trình bảo vệ môi trường, nước<br>thải, rác thải. Thiết kế phòng cháy chữa cháy.                               | 7110 |
| 27. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Dịch vụ xét nghiệm các mẫu chất thải, đo mức độ ô<br>nhiễm môi trường                                                                                                                                                                                                                         | 7120 |
| 28. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 29. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa<br>được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về công nghệ, tư vấn về môi trường, đánh giá<br>tác động môi trường (trừ tư vấn pháp lý), xác nhận bảo vệ môi<br>trường, lập dự án bảo vệ môi trường, lập cam kết tiêu chuẩn<br>bảo vệ môi trường, lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ | 7490 |
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4653 |
| 31. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4661 |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230 |
| 33. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Ho và tên: CHU THANH SƠN

Quốc tịch: *Việt Nam*

Sinh ngày: 05/12/1981      Dân tộc: Kinh

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 281251143

Ngày cấp: 22/02/2016      Nơi cấp: CA Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu Phố 4, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu Phố 4, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

\* Ho và tên: CHU THANH SƠN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 05/12/1981      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 281251143

Ngày cấp: 22/02/2016      Nơi cấp: CA Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu phố 4, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu phố 4, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương